

Phụ lục số 01

Danh sách hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc Đề án

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
I	Huyện Thanh Hà				44	41	
1	Phạm Duy Hiền	1955	CĐHH	Song Động - Tân An	x		
2	Lê Văn Sứng	1959	BB 61%	Song Động - Tân An	x		
3	Hoàng Văn Khảm	20/4/1955	TB+CĐHH	Hoàng Lại - An Phượng	x		
4	Lê Đình Tôm	1956	TB 21%	Hoàng Lại - An Phượng		x	
5	Nguyễn Danh Cảnh	1953	CĐHH	Văn Xuyên - An Phượng	x		
6	Nguyễn Thế Hùng	1953	TB 4/4	Khu 5 - TTThanh Hà	x		
7	Trần Thị Huệ	1930	Mẹ LS	Khu 6 - TTThanh Hà		x	
8	Nguyễn Văn Lương	1942	HC	Khu 5 - TTThanh Hà	x		
9	Nguyễn Văn Đắc	1950	Con LS	Khu 5 - TTThanh Hà	x		
10	Phạm Thị Nhuận	1923	HC	Khu 5 - TTThanh Hà		x	
11	Phạm Quang Cừ	1951	HHC	Khu 4 - TTThanh Hà		x	
12	Nguyễn Thị Nam	1932	Vợ LS	Phượng La - Cẩm Chế		x	
13	Nguyễn Thị Viên	1955	Vợ LS	Văn Mạc - Liên Mạc	x		
14	Nguyễn Văn Đức	1957	TB 81%	Thanh Quang	x		
15	Nguyễn Văn Thìn	1952	BB 65%	Thanh Quang		x	
16	Lê Văn Hường	1958	TB 28%	Thanh Quang		x	
17	Trịnh Văn Cộng	1934	HHC	Vĩnh Bình- Thanh Cường	x		
18	Lê Văn Phung	1945	TB 61%	Nhan Bàu - Thanh Hồng		x	
19	Nguyễn Thị Thành	1927	Mẹ LS	Hoàng Lại - An Phượng	x		
20	Nguyễn Văn Chinh	1928	HC	Khu 6 - TTThanh Hà	x		
21	Hoàng Văn Tàu (trong DS đề nghị là Hoàng Văn Tàu)	1935	HC	Khu 6 - TTThanh Hà		x	
22	Quách Trung Hiền	1950	TB 55%	Thôn 3, xã Thanh Xá		x	
23	Nguyễn Quốc Trị	1952	BB 61%	Hạ Vĩnh - Thanh Quang	x		
24	Vũ Văn Triệu	1951	TB	Thôn Thiệu - Vĩnh Lập	x		
25	Nguyễn Bá Đắc	1957	BB61%	Xóm 1, thôn Đông Phan, Xã Tân An	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
26	Nguyễn Văn Dư	1950	CĐHH 41%	Thôn An Liệt 3, xã Thanh Hải		x	
27	Phạm Văn Khur	1941	Huân chương KC	Thôn An Liệt 1, xã Thanh Hải	x		
28	Hoàng Văn Cách	1954	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Thôn Tiền Vỹ, xã Thanh Hải		x	
29	Lê Xuân Thìn	1954	Thương binh 21%	Thôn Thừa Liệt, xã Thanh Hải		x	
30	Phạm Minh Đức	2/25/1948	Huân ba	An Phụng		x	
31	Phạm Thế Thanh	1949	Huy nhất	An Phụng	x		
32	Phạm Danh Trung	1/20/1957	BB 41%	An Phụng		x	
33	Phạm Đắc Nghĩa	1943	Huân ba	An Phụng	x		
34	Lê Đình Bảo	6/22/1951	Huy nhì	An Phụng	x		
35	Nguyễn Danh Nhạc	8/18/1952	Thương binh 21%	An Phụng	x		
36	Ngô Xuân Bình	1955	CĐHH	TT Thanh Hà	x		
37	Nguyễn Văn Thiều	1951	CĐHH	T.T Thanh Hà	x		
38	Vũ Thị San	1935	HHC	Khu 4 TT Thanh Hà		x	
39	Cao Thị Diện	1948	Vợ LS	Thanh Khê		x	
40	Nguyễn Văn Giang	1954	Huân huy chương	Thiên Trang - Thanh Xuân	x		
41	Đỗ Thị Diệp	1962	Con Liệt sỹ	Xuân Áng - Thanh Xuân		x	
42	Nguyễn Văn Đàm	1947	Huân huy chương	Thiên Trang - Thanh Xuân	x		
43	Nguyễn Tiến Lộc	1950	Huân huy chương	Xuân Áng - Thanh Xuân		x	
44	Quách Đại Nghĩa	1933	HHC	Thôn 1, xã Thanh Xá	x		
45	Vương Thị Công	1922	Mẹ LS	Thôn 1, xã Thanh Xá		x	
46	Tiêu Thị Bính	1923	Mẹ Liệt sỹ	Nhân Lư - Cẩm Chế		x	
47	Phạm Quang Đảm	1954	Thương binh 21%	Cam Lộ - Tân Việt	x		
48	Nguyễn Đức Sáng	1944	Huân chương	Ngọc Lộ - Tân Việt	x		
49	Nguyễn Văn Thán	1954	TB 31%	Thôn Tiêu Xá - Xã Liên Mạc	x		
50	Nguyễn Đức Tỵ	1956	TB 21%	Tiên Tảo - Thanh An	x		
51	Tăng Xuân Thành	1954	BB61%	Làng can 1 - Thanh Lang	x		
52	Phạm Kim Bật	1936	TB; BB MSLĐ	Kim can - Thanh Lang		x	
53	Nguyễn Đình Nhấn	1947	Huân ba, BB61%	Làng Can 1 - Thanh Lang		x	
54	Bùi Hữu Biển	1956	Bệnh binh 61%	Làng Can 1 - Thanh Lang	x		
55	Nguyễn Văn Bình	1943	Huy chương kháng chiến hạng hai	Thôn Lang Can 3 xã Thanh Lang		x	
56	Nguyễn Thị Thời	1944	Vợ liệt sỹ Nguyễn Xuân Hùng	Thôn Kim Can xã Thanh Lang	x		
57	Nguyễn Xuân Toàn	1950	Thương binh	Thôn Kim Can xã Thanh Lang		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
58	Phạm Kim Bích	1945	Huân nhì	Kim Can - Thanh Lang		x	
59	Bùi Hữu Minh	1954	Huy chương hạng Nhì	Thôn Kim Can xã Thanh Lang		x	
60	Nguyễn Thị Lương	1936	Huân ba	Kim Can - Thanh Lang		x	
61	Phạm Kim Uông	1952	Huân nhì	Kim Can - Thanh Lang		x	
62	Bùi Hữu Lâm	1953	Con LS	Quan Khê - Việt Hồng	x		
63	Phạm Văn Toàn	1950	HHC	Thanh Quang	x		
64	Phạm Quốc Bảo	1936	HHC	Thanh Quang		x	
65	Bùi Đình Bính	1954	HHC	Thanh Quang	x		
66	Nguyễn Quang Dương	1934	HHC	Thanh Quang	x		
67	Lê Bá Thước	1949	CĐHH 61%	Thanh Quang		x	
68	Lê Văn Tú	1953	CĐHH 61%	Thanh Quang	x		
69	Nguyễn Văn Giồng	1952	Con LS	Thanh Quang		x	
70	Phạm Trung Thâm	1947	HHC	Thanh Quang		x	
71	Lê Thị Khởi	1950	HHC	Thanh Quang	x		
72	Nguyễn Văn Khuỷu	1956	TB23%	Thanh Quang	x		
73	Phạm Văn Phót	1950	HHC	Thanh Quang		x	
74	Nguyễn Quang Trung	1951	HHC	Thanh Quang		x	
75	Phạm Thị Nức	1949	CĐHH	Vĩnh Bình – Thanh Cường		x	
76	Vũ Xuân Địch	1926	HHC	Thiệu Mỹ - Vĩnh Lập		x	
77	Nguyễn Bá Lập	1928	Bố liệt sĩ	Thôn Thừa Liệt, xã Thanh Hải	x		
78	Nguyễn Danh Tuy	1933	Huy nhất	Phượng Đầu- An Phượng	x		
79	Phạm Văn Lục	1949	Huân 3	Văn Xuyên- An Phượng		x	
80	Lê Văn Xoang	1933	Thương binh 31%	Phượng La, Xã Cẩm Chế		x	
81	Phạm Sỹ Khôi	1940	Huân nhì	Cổ Chảm - Việt Hồng		x	
82	Phạm Công Khanh	1932	HHC	Thanh Lanh - Thanh Quang	x		
83	Nguyễn Thị Khương	1922	Mẹ LS	Thanh Hồng	x		
84	Nguyễn Ngọc Thắng	1949	TB 61%	Thanh Hồng		x	
85	Phạm Sĩ Pho	1952	Huân nhất	Cổ Chảm - Việt Hồng	x		
II	Thị xã Kinh Môn				57	58	
1	Phạm Văn Cương	1942	HĐKC	Phường An Lưu	x		
2	Tự Bá Ninh	1935	HĐKC	Phường An Lưu	x		
3	Trương Văn Mau	1933	HĐKC	Xã Minh Hòa		x	
4	Nguyễn Văn Dóc	1950	Thương binh	Phường An Sinh		x	
5	Nguyễn Thị Thủy	1937	TNLS	Phường Phú Thứ		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
6	Nguyễn Văn Tăng	1935	CĐHH	Phường Phú Thứ		x	
7	Nguyễn Văn Tỵ	1952	CĐHH	Phường Phú Thứ		x	
8	Ngô Văn Táy	1933	CĐHH	Xã Hoàn Sơn		x	
9	Trần Đức Khẩu	1929	Tù đầy	Xã Hoàn Sơn	x		
10	Đặng Văn Đơ	1952	Bệnh binh	Phường An Phú		x	
11	Phạm Thị Nguyên	1939	TNLS	Phường An Phú		x	
12	Mạc Duy Nhạ	1947	Thương binh	Phường An Phú		x	
13	Trần Thị Xâm	1942	TNLS	Phường An Phú		x	
14	Nguyễn Văn Hòa	1948	HĐKC	Xã Lạc Long		x	
15	Nguyễn Văn Vinh	1955	Bệnh binh	Xã Lạc Long		x	
16	Nguyễn Công Trứ	1944	Thương binh	Xã Lạc Long		x	
17	Phạm Trọng Giang	07/7/1940	HĐKC	Phường Minh Tân	x		
18	Nguyễn Thị Xuân	17/01/1940	TNLS	Phường Minh Tân	x		
19	Hoàng Thị Ẽn	20/6/1947	HĐKC	Phường Minh Tân	x		
20	Nguyễn Thị Hữu	1938	TNLS	Xã Hiệp Hòa		x	
21	Nguyễn Thị Xìn	1939	TNLS	Xã Hiệp Hòa		x	
22	Nguyễn Văn Gồm	1950	Thương Binh	Xã Hiệp Hòa		x	
23	Hoàng Văn Tề	1952	HĐKC	Xã Hiệp Hòa		x	
24	Nguyễn Thị Bé	1944	TNLS	Xã Bạch Đằng	x		
25	Vũ Thị Hương	01/01/1938	TNLS	Xã Bạch Đằng		x	
26	Lê Văn Gió	05/7/1951	CĐHH	Xã Bạch Đằng		x	
27	Nguyễn Văn Doanh	07/03/1936	HĐKC	Xã Bạch Đằng	x		
28	Bùi Văn Xương	1928	Tù đầy	Xã Bạch Đằng	x		
29	Nguyễn Duy Cẩn	1952	Thương binh	Xã Bạch Đằng	x		
30	Phạm Anh Tiền	1950	Thương binh	Xã Bạch Đằng	x		
31	Mạc Xuân Dũng	1947	Thương binh	Phường Hiến Thành		x	
32	Đinh Văn Kền	1952	Thương binh	Phường Hiến Thành	x		
33	Bùi Bá Lâu	1948	HĐKC	Phường Hiến Thành		x	
34	Hoàng Thị Cánh	1941	HĐKC	Phường Hiến Thành	x		
35	Hoàng Đăng Tác	1943	HĐKC	Phường Hiến Thành		x	
36	Trần Đức Minh	1935	HĐKC	Xã Quang Thành		x	
37	Nguyễn Văn Lung	1954	Thương Binh	Xã Quang Thành		x	
38	Nguyễn Quang Dinh	1952	HĐKC	Xã Quang Thành		x	
39	Lê Hồng Thơm	1950	Thương binh	Xã Quang Thành	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
40	Lương Minh Đoạt	1950	Bệnh binh	Xã Quang Thành		x	
41	Nguyễn Văn Linh	1950	Thương binh	Xã Quang Thành		x	
42	Tô Văn Sắc	1947	HĐKC	Xã Quang Thành		x	
43	Lê Minh Chiến	1942	Thương binh	Phường Duy Tân		x	
44	Phạm Thế Phường	1956	Bệnh binh	Phường Duy Tân	x		
45	Lê Văn Hàn	1951	Thương binh	Phường Duy Tân	x		
46	Phạm Thị Lân	1932	TNLS	Phường Thái Thịnh	x		
47	Nguyễn Văn Tha	1950	HĐKC	Phường Thái Thịnh		x	
48	Trần Văn Quảng	1945	HĐKC	Phường Thái Thịnh		x	
49	Trần Văn Hải	1950	HĐKC	Phường Thái Thịnh		x	
50	Nguyễn Xuân Gò	1952	Thương binh	Phường Thái Thịnh		x	
51	Trần Văn Lâu	1946	HĐKC	Phường Thái Thịnh		x	
52	Trần Văn Phần	1945	HĐKC	Phường Thái Thịnh		x	
53	Phạm Bá Quế	1954	HĐKC	Phường Thái Thịnh		x	
54	Nguyễn Xuân Sơn	1952	Bệnh binh	Phường Thái Thịnh		x	
55	Phan Văn Lân	1939	Bệnh binh	Phường Thái Thịnh	x		
56	Trần Văn Mớ	1939	Thương binh	Phường Thái Thịnh		x	
57	Nguyễn Xuân Cư	1950	HĐKC	Phường Long Xuyên	x		
58	Bùi Thị Chải	1947	TNLS	Phường Thất Hùng	x		
59	Ngô Thị Hát	1934	TNLS	Phường Thất Hùng	x		
60	Bùi Thị Thạc	1938	TNLS	Phường Thất Hùng	x		
61	Nguyễn Văn Thôi	1942	TNLS	Phường Thất Hùng		x	
62	Nguyễn Văn Tôn	1953	Thương binh	Phường Thất Hùng	x		
63	Hoàng Minh Thân	1940	Thương binh	Phường Thất Hùng		x	
64	Phạm Thị Tâm	1948	TNLS	Phường Thất Hùng	x		
65	Tô Vĩnh Bảo	1946	CĐHH	Phường Phạm Thái		x	
66	Vũ Văn Dường	1947	Thương binh	Phường Phạm Thái		x	
67	Nguyễn Xuân Kiêm	1948	Thương binh	Phường Phạm Thái		x	
68	Vũ Văn Khanh	1960	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
69	Trần Văn Va	1948	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
70	Nguyễn Đình Châu	1952	Thương binh	Phường Phạm Thái		x	
71	Nguyễn Xuân Tú	1950	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
72	Vũ Xuân Tứ	1950	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
73	Nguyễn Văn Thăng	1930	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
74	Trần Thị Chuyên	1950	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
75	Nguyễn Văn Phiêu	1950	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
76	Phạm Văn Tuệ	1945	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
77	Thân Văn Hồng	1962	Thương binh	Phường Phạm Thái		x	
78	Vũ Quang Đôn	1941	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
79	Vũ Thị My	1947	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
80	Nguyễn Văn Nham	1951	Thương binh	Phường Phạm Thái		x	
81	Nguyễn Xuân Đích	1953	CĐHH	Phường Phạm Thái		x	
82	Mạc Văn Hòa	1948	HĐKC	Phường Phạm Thái		x	
83	Vũ Chí Dũng	1948	HĐKC	Phường Phạm Thái		x	
84	Trần Xuân Biên	1949	Thương binh	Phường Phạm Thái		x	
85	Lê Đình Năm	1952	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
86	Thân Trọng Bé	1953	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
87	Dương Minh Lân	1940	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
88	Nguyễn Ngọc Linh	1952	Bệnh binh	Phường Phạm Thái	x		
89	Nguyễn Văn Huân	1952	Bệnh binh	Phường Phạm Thái	x		
90	Phạm Văn Kên	1957	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
91	Nguyễn Văn Ngạch	1940	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
92	Nguyễn Thị Hợp	1947	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
93	Trịnh Văn Châm	1947	HĐKC	Phường Phạm Thái		x	
94	Nguyễn Văn Hồi	1957	Thương binh	Phường Phạm Thái	x		
95	Vũ Tiến Đích	1934	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
96	Trịnh Đình Thê	1948	HĐKC	Phường Phạm Thái		x	
97	Trần Huy Tâm	1956	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
98	Nguyễn Văn Diện	1938	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
99	Vũ Thị Chi	1932	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
100	Trần Đình Hạch	1932	HĐKC	Phường Phạm Thái	x		
101	Ngô Quốc Bảy	1967	Thương binh	Xã Lê Ninh		x	
102	Nguyễn Thị Cờ	1926	TNLS	Xã Lê Ninh	x		
103	Nguyễn Thị Mẫn	1924	TNLS	Xã Lê Ninh	x		
104	Cao Thị Rồi	1928	TNLS	Xã Lê Ninh	x		
105	Ngô Doãn Thông	1953	Bệnh binh	Xã Lê Ninh		x	
106	Nguyễn Chi Lăng	1941	Thương binh	Xã Lê Ninh		x	
107	Bùi Thanh Hùy	1950	Thương binh	Xã Lê Ninh		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
108	Nguyễn Đức Cảnh	1955	CĐHH	Xã Lê Ninh		x	
109	Bùi Văn Hợi	1946	Thương binh	Xã Thăng Long	x		
110	Đào Văn Sơn	1945	Bệnh binh	Xã Thăng Long	x		
111	Nguyễn Đức Hân	1944	Bệnh binh	Xã Thăng Long	x		
112	Hoàng Thế Nhân	1952	Thương binh	Phường Hiệp An		x	
113	Nguyễn Thanh Tâm	1943	Thương binh	Xã Thượng Quận	x		
114	Nguyễn Hữu Lâm	1945	Bệnh binh	Xã Thượng Quận	x		
115	Đỗ Văn Nghệ	1946	Tù đầy	Xã Thượng Quận	x		
III	Thành phố Hải Dương				46	38	
1	Đinh Hữu Sơn	1950	thương binh	Khu 5, Nam Đồng		x	
2	Đinh Văn Đăng	1952	thương binh	Khu 6, Nam Đồng	x		
3	Lê Thị Côm	1934	Vợ liệt sỹ	Phú Lương, Cẩm Thượng	x		
4	Dương Văn Thà	1956	Thương binh	Khu 7, Ngọc Châu		x	
5	Đỗ Đức Chắt	1941	Thương binh	Khu 9 (nay là khu 4), Nguyễn	x		
6	Nguyễn Quốc Trịnh	1956	Bệnh binh	Khu 7 (nay là khu 8), Nguyễn		x	
7	Nguyễn Thị Ánh	1942	Vợ LS	P. Quang Trung		x	
8	Vũ Thị Đề	1/1/1944	TNLS	Khu 5, Tân Bình		x	
9	Vũ Thị Đan	1942	Vợ LS	Khu 9, Tân Bình		x	
10	Lưu Văn Mai	1920	Bố Liệt Sỹ	Khu Xuân Dương, Tứ Minh	x		
11	Đỗ Thị Dân	1945	Vợ liệt sỹ	Thượng Đạt, Tứ Minh		x	
12	Đào Huy Bạch	1922	HCKC Hạng 3	3/113 Bạch Đằng, Trần Phú		x	
13	Phạm Quốc Việt	1939	Thương binh	74/296 Điện Biên Phủ, Phường Bình Hàn	x		
14	Vũ Văn Lương	1946	TB 51%	Khu 3, Thanh Bình	x		
15	Phạm Cảnh Toàn	1948	HHC	Du Tái, Tiên Tiến	x		
16	Phạm Thị Thịch	1930	vợ LS	Du Tái, Tiên Tiến	x		
17	Nguyễn Văn Tuyền	1939	HHC	Cập Thượng 1, Tiên Tiến		x	
18	Phạm Văn Du	1954	TB	Du Tái, Tiên Tiến	x		
19	Nguyễn Văn Trọng	1936	TB	Cập Thượng 2, Tiên Tiến	x		
20	Nguyễn Huy Bạo	1948	CĐHH	Cập Nhất 2, Tiên Tiến	x		
21	Tạ Văn Lập	1953	HHC	Cập Nhất 2, Tiên Tiến	x		
22	Nguyễn Như Quỳnh	1931	Huân ba	Dương Xuân, xã Quyết Thắng	x		
23	Phạm Ngọc Lũy	1930	Huân nhì	Hoàng Xá 3, xã Quyết Thắng		x	
24	Lê Thị Thiện	1941	Mẹ LS	Hoàng Xá 3, xã Quyết Thắng	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
25	Mạc Văn Hưu	1938	Bố LS	Hoàng Xá 1, xã Quyết Thắng	x		
26	Nguyễn Thị Cỏn	1941	Vợ LS	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng	x		
27	Cao Thị Gái	1944	Vợ LS	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng	x		
28	Nguyễn Ngọc Khuê	1938	Bệnh binh 65%	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng	x		
29	Lê Quảng Ba	1942	CĐHH 61%	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng		x	
30	Phạm Xuân An	1950	Bệnh binh 61%	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng		x	
31	Bùi Văn Hải	1960	Thương binh 21%	Dương Xuân, xã Quyết Thắng		x	
32	Nguyễn Văn Ty	1936	Thương binh 32%	Hoàng Xá 3, xã Quyết Thắng		x	
33	Hoàng Văn Tiêm	1941	Huân nhì	Hoàng Xá 1, xã Quyết Thắng	x		
34	Nguyễn Xuân Lý	1952	Thương binh 41%	Dương Xuân, xã Quyết Thắng	x		
35	Trần Xuân Đoài	1951	Thương binh 41%	Đông Lĩnh, xã Quyết Thắng	x		
36	Tăng Thị Nhuận	1946	Huy nhất	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng		x	
37	Tăng Bá Ngọc	1949	Huy nhất	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng		x	
38	Nguyễn Thị Là	1950	Huy nhất	Đông Lĩnh, xã Quyết Thắng	x		
39	Vũ Xuân Ước	1955	Thương binh 41%	Hoàng Xá 3, xã Quyết Thắng	x		
40	Trần Văn Lâm	1941	HHC	Đông Lĩnh, xã Quyết Thắng	x		
41	Hoàng Văn Chí	1961	BB 61%	Hoàng Xá 1, xã Quyết Thắng	x		
42	Nguyễn Trọng Tuệ	1953	Bệnh binh 61%	Dương Xuân, xã Quyết Thắng	x		
43	Nguyễn Ngọc Trường	1949	Chất độc hóa học	Dương Xuân, xã Quyết Thắng	x		
44	Phạm Văn Sáu	1952	Huy nhì	Dương Xuân - Quyết Thắng		x	
45	Tăng Văn Đức	1947	Bệnh binh 50%	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng		x	
46	Vũ Đức Thụy	1938	TB 27%	Hoàng Xá 1, xã Quyết Thắng		x	
47	Đinh Xuân Báu	1954	Bệnh binh 55%	Dương Xuân - Quyết Thắng	x		
48	Mạc Xuân Nhì	1940	Huân ba	Hoàng Xá 1, xã Quyết Thắng		x	
49	Nguyễn Long Vương	1947	Thương binh 21%	Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng	x		
50	Hồ Văn Huy	1962	con LS	Tranh Đầu, xã Gia Xuyên	x		
51	Hồ Văn Vân	1950	BB 61%	Tranh Đầu, xã Gia Xuyên	x		
52	Vũ Thị Lức	1924	Mẹ LS	Tầng Hạ, xã Gia Xuyên	x		
53	Lê Bá Tâm	1942	Huân chương KC hạng Ba	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
54	Nguyễn Văn Kỳ	1951	Huân chương KC hạng Nhất	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
55	Tăng Quang Trình	1951	Huân chương KC hạng Nhì	Tầng Thượng, Liên Hồng	x		
56	Nguyễn Văn Chẩn	1955	Thương binh 4/4	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
57	Nguyễn Thị Tám	1932	Huy chương KC hạng Nhất	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
58	Phạm Văn Tiệp	1932	Huân chương KC hạng Ba	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
59	Mai Văn Pho	1950	Huân chương KC hạng Ba	Tầng Thượng, Liên Hồng	x		
60	Nguyễn Văn Hưởng	1946	Huy chương KC hạng Nhất	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
61	Nguyễn Văn Bồi	1926	Huân chương KC hạng Nhất	Tầng Thượng, Liên Hồng	x		
62	Nguyễn Văn Chiên	1925	Bố Liệt sĩ	Tầng Thượng, Liên Hồng	x		
63	Nguyễn Ngọc Xông	1948	Huân chương KC hạng Ba	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
64	Nguyễn Đức Phóng	1937	Huân chương KC hạng Nhì	Tầng Thượng, Liên Hồng	x		
65	Nguyễn Văn Bất	1930	Huy chương KC hạng Nhì	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
66	Bùi Trung Trinh	1940	Huân chương KC hạng Ba	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
67	Lê Văn Tình	1957	Bệnh binh 61%	Tầng Thượng, Liên Hồng	x		
68	Nguyễn Thị Phê	1945	Huy chương KC hạng Nhất	Phú Triều, Liên Hồng		x	
69	Hoàng Văn Trang	1951	Thương binh 3/4	Phú Triều, Liên Hồng		x	
70	Phạm Thị Gái	1938	Vợ Liệt sĩ	Đồng Lại, Liên Hồng		x	
71	Tăng Bá Thiệp	1938	Thương binh 21%	Thanh Xá, Liên Hồng	x		
72	Phạm Thị Bi	1943	Huy chương KC hạng Nhất	Qua Bộ, Liên Hồng		x	
73	Lê Thị Tim	1965	Con Liệt sĩ	Qua Bộ, Liên Hồng		x	
74	Phạm Huy Hinh	1938	Huân chương KC hạng Nhì	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
75	Tăng Văn Bàu	1939	Bệnh binh	Thanh Xá, Liên Hồng	x		
76	Nguyễn Văn Sao	1948	Thương binh	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
77	Nguyễn Văn Khoắc	1951	Huy chương KC hạng nhất	Phú Triều, Liên Hồng		x	
78	Phạm Thị Mật	1928	TNLS	Đồng Lại, Liên Hồng	x		
79	Nguyễn Thị Huyền	1959	Con Liệt sĩ	Tầng Thượng, Liên Hồng		x	
80	Vũ Thị Thoi	1933	Người HDKC	Thôn Mỹ Xá, Ngọc Sơn	x		
81	Đoàn Đình Quý	1944	Người HDKC	Thôn Mỹ Xá, Ngọc Sơn	x		
82	Đoàn Văn Thành	1936	TB 25%	Thôn Mỹ Xá, Ngọc Sơn	x		
83	Phạm Văn Duân	1942	TB 60%	Thôn Mỹ Xá, Ngọc Sơn	x		
84	Nguyễn Văn Tơ	1933	TB 61%	Thôn Ngọc Lặc, Xã Ngọc Sơn	x		
IV	Huyện Kim Thành				137	93	
	Xã Lai Vu						
1	Bùi Hữu Tề	1937	Huân - HC	Quyết tâm		x	
2	Bùi Minh Tâm	1945	Huân - HC	Quyết tâm		x	
3	Bùi Duy Quý	1937	Huân - HC	Quyết tâm		x	
4	Bùi Duy Phiến	1940	Huân - HC	Quyết tâm		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
5	Bùi Duy Điềm	1950	Huân - HC	Quyết tâm	x		
6	Bùi Ngọc Thanh	1934	Huân - HC	Quyết tâm		x	
7	Bùi Bá Chèng	1951	Bệnh binh	Minh Thành	x		
8	Bùi Bách Tân	1950	Thương binh	Hợp Nhất	x		
9	Tăng Tự Bình	1953	Thương binh	Hợp Nhất		x	
10	Bùi Duy Thuật	1960	Thương binh	Hợp Nhất		x	
11	Tăng Tất Quý	1958	Thương binh	Hợp Nhất	x		
12	Bùi Văn Thanh	1951	Bệnh binh	Hợp Nhất		x	
13	Bùi Thị Mai	1929	Vợ liệt sỹ	Hợp Nhất		x	
14	Bùi Văn Nga	1955	CD HH	Hợp Nhất	x		
15	Bùi Thị Hảo	1960	Con liệt sĩ	Quyết Tâm	x		
	Xã Cộng Hoà						
16	Nguyễn Thị Nụ	1945	Vợ Liệt sỹ	Thôn Tường vu xã Cộng hòa	x		
	Xã Cổ Dưng						
17	Nguyễn Ngọc Gàng	1936	Thôn Giữa	HHC	x		
18	Nguyễn Văn Vinh	1945	Thôn Đông	HHC	x		
19	Nguyễn Khắc Tĩnh	1954	Thôn Bắc	Bệnh binh	x		
20	Nguyễn Khắc Đứng	1953	Thôn Bắc	HHC		x	
21	Nguyễn Danh Vào	1948	Thôn Giữa	Thương binh		x	
22	Dương Danh Nở	1957	Thôn Đông	Thương binh	x		
23	Nguyễn Hữu Thông	1943	Thôn Đông	Thương binh	x		
24	Dương Danh Đợi	1953	Thôn Đông	Thương binh	x		
25	Nguyễn Danh Nụ	1947	Thôn Đông	HHC+CDHH		x	
26	Nguyễn Khắc Hân	1950	Thôn Bắc	CDHH	x		
27	Nguyễn Thị Tanh	1942	Thôn Giữa	Mẹ LS		x	
28	Nguyễn Khắc Vang	1949	Thôn Bắc	Thương binh	x		
29	Lương Đình Chốt	1956	Thôn Đông	Bệnh binh	x		
30	Vũ Bá Tiến	1950	Thôn Đông	Bệnh binh	x		
31	Trần Công Trọng	1936	Thôn Đông	HHC+CDHH	x		
32	Nguyễn Duy Tình	1954	Thôn Đông	HHC+CDHH	x		
33	Trần Công Nhị	1944	Thôn Đông	HHC		x	
34	Nguyễn Danh Thèo	1943	Thôn Đông	Bệnh binh	x		
35	Nguyễn Văn Chữ	1946	Thôn Giữa	CDHH	x		
36	Nguyễn Quý Chúc	1937	Thôn Giữa	HHC		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
37	Nguyễn Văn Bôn	1952	Thôn Giữa	CDHH	x		
38	Nguyễn Quý Mẫn	1936	Thôn Giữa	HHC	x		
39	Nguyễn Danh Khanh	1946	Thôn Giữa	HHC	x		
40	Nguyễn Danh Nghĩa	1952	Thôn Giữa	CDHH	x		
41	Nguyễn Thị Mùa	1951	Thôn Bắc	Vợ LS	x		
42	Nguyễn Ngọc Khởi	1942	Thôn Bắc	Thương binh	x		
43	Đặng Đình Toàn	1949	Thôn Bắc	HHC+CDHH		x	
44	Vũ Thị Tuy	1947	Thôn Bắc	HHC		x	
45	Nguyễn Thế Quỳnh	1934	Thôn Bắc	HHC		x	
46	Nguyễn Danh Cúc	1947	Thôn Bắc	HHC		x	
47	Nguyễn Thị Thảng	1939	Thôn Bắc	HHC		x	
48	Nguyễn Quý Đoàn	1953	Thôn Bắc	HHC+CDHH	x		
49	Nguyễn Danh Tinh	1965	Thôn Bắc	Thương binh	x		
50	Nguyễn Quý Cường	1952	Thôn Bắc	HHC	x		
51	Nguyễn Hữu Thiệp	1945	Thôn Đông	HHC	x		
52	Trần Công Tản	1936	Thôn Đông	Thương binh	x		
53	Trần Công Tạc	1945	Cổ Dũng	HHC	x		
	Xã Thượng Vũ						
54	Trần Văn Châm	1955	Bệnh binh	Thôn Vũ Xá, Thượng Vũ	x		
55	Đỗ Xuân Ngạn	1953	TB	Thôn Thảng Yên, Thượng Vũ		x	
	Xã Tuấn Việt						
56	Lưu Thị An	1936	Huân Huy chương	thôn Bùng Dưa, xã Tuấn Việt		x	
57	Ninh Văn Quý	1943	Con liệt sỹ	thôn An Bình, xã Tuấn Việt		x	
58	Nguyễn Đình Trường	1954	Huân Huy chương	thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt		x	
59	Phạm Thị Phúc	1950	Con liệt sỹ	thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt	x		
60	Nguyễn Văn Dũng	1965	Con liệt sỹ	thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt		x	
61	Nguyễn Thành Vi	1950	CDHH	thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt		x	
62	Nguyễn Ngọc Goòng	1922	Huân Huy chương	thôn Phạm Xá 2, xã Tuấn Việt		x	
63	Phạm Thị Mai	1941	Huân Huy chương	thôn Vang Phan, xã Tuấn Việt		x	
64	Trần Thị Cấn	1941	Vợ liệt sỹ	thôn Vang Phan, xã Tuấn Việt		x	
65	Trần Thị Khiên	1947	Huân Huy chương	thôn Vang Phan, xã Tuấn Việt		x	
66	Trần Xuân Chìa	1950	Thương binh	thôn Phương Khê, xã Tuấn Việt		x	
67	Bùi Thị Phương	1979	Con liệt sỹ	thôn Cam Thượng, xã Tuấn Việt		x	
68	Ngô Xuân Diệp	1942	Thương binh	thôn Cam Thượng, xã Tuấn Việt	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
69	Trần Văn Chúc	1937	Thương binh	thôn Xuân Mang, xã Tuấn Việt	x		
70	Trần Trọng Tính	1948	Huân huy chương	thôn Xuân Mang, xã Tuấn Việt	x		
71	Nguyễn Văn Ngỏ	1949	Thương binh	thôn Xuân Mang, xã Tuấn Việt	x		
72	Vũ Văn Thới	1946	Huân huy chương	thôn Xuân Mang, xã Tuấn Việt	x		
73	Nguyễn Đăng Doanh	1970	Con Liệt sĩ	thôn Phạm Xá 2, xã Tuấn Việt		x	
	Kim Xuyên						
74	Phạm Thị Sen	1929	Thân nhân liệt sĩ	Phương Duệ, Kim Xuyên	x		
75	Đông Xuân Hạnh	1939	HHC	Phương Duệ, Kim Xuyên	x		
76	Bùi Trung Phồn	1950	Thương binh 41%	Phương Duệ, Kim Xuyên	x		
77	Trần Văn Đan	1955	CĐHH	Phương Duệ, Kim Xuyên	x		
78	Nguyễn Thanh Liêm	1944	HHC	Phương Duệ, Kim Xuyên		x	
79	Nguyễn Đăng Vạn	1947	HHC	Phương Duệ, Kim Xuyên		x	
80	Nguyễn Ngọc Giang	1957	Bệnh binh 61%	Phương Duệ, Kim Xuyên		x	
81	Bùi Xuân Cội	1952	Bệnh binh 59%	Phương Duệ, Kim Xuyên	x		
82	Bùi Ngọc Bảo	1939	HHC	Phương Duệ, Kim Xuyên		x	
83	Bùi Ngọc Huân	1950	Bệnh binh 61%	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
84	Ninh Văn Xứng	1953	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
85	Trần văn Duyên	1952	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
86	Bùi Thị Bình	1927	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
87	Dương Văn Nảy	1947	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
88	Bùi Văn Chiên	1956	Thương binh 21%	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
89	Trần Văn Cát	1940	Bệnh binh 61%	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
90	Phạm văn Thọa	1937	Bệnh binh 61%	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
91	Phạm Trường Sinh	1940	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
92	Vũ Ngọc Lanh	1956	Bệnh binh 68%	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
93	Nguyễn Thanh Lâm	1948	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
94	Vũ Xuân Điều	1937	Bệnh binh 41%	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
95	Phạm Văn Đạm	1927	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
96	Dương Văn Hiệp	1957	Thương binh	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
97	Phạm Ngọc Thực	1951	Thương binh	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
98	Nguyễn Thị Dân	1929	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên	x		
99	Nguyễn Thị Sen	1942	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
100	Vũ Thị Hốt	1924	Thân nhân liệt sĩ	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
101	Lê Văn Lừu	1951	Bệnh binh 45%	Quỳnh Khê 1, Kim Xuyên	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
102	Vũ Đình Giám	1931	HHC	Quỳnh Khê 1, Kim Xuyên		x	
103	Trần Văn Huấn	1935	HHC	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên		x	
104	Trần Văn Mạc	1956	Bệnh binh 41%	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
105	Nguyễn Văn Thiêm	1932	HHC	Quỳnh Khê 1, Kim Xuyên	x		
106	Trần Văn Ngoán	1947	HHC	Quỳnh Khê 1, Kim Xuyên	x		
107	Phạm Huy Tại	1939	HHC	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên		x	
108	Vũ Thị Mon	1932	HHC	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
109	Trần Văn Đức	1930	HHC	Quỳnh Khê 1, Kim Xuyên		x	
110	Vũ Đình Quý	1949	Thương binh 61%	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
111	Hoàng Văn The	1949	CĐHH	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
112	Trần Duy Vinh	1950	Bệnh binh 41%	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
113	Vũ Đình Tèo	1927	HHC	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên		x	
114	Trần Anh Thắng	1956	Bệnh binh 61%	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
115	Phạm Văn Hoan	1955	Thương binh	Phương Duệ, Kim Xuyên	x		
116	Trần Duy Tèo	1943	Bệnh binh	Phương Duệ, Kim Xuyên	x		
117	Trần Xuân Đích	1947	HHC	Phương Duệ, Kim Xuyên	x		
118	Lê Văn Túy	1957	Bệnh binh	Quỳnh Khê 1, Kim Xuyên		x	
119	Trần Quang Thường	1961	Bệnh binh	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
120	Đỗ Thị Thúy	1957	CĐHH	Quỳnh Khê 2, Kim Xuyên	x		
121	Trần Văn Hách	1930	HHC	Thiện Đáp, Kim Xuyên		x	
	Xã Phúc Thành						
122	Vũ Đình Thi	1954	BB61%	thôn Dưỡng Thái Nam, xã Phúc Thành		x	
123	Nho Quang Sáng	1935	TB41%	thôn Dưỡng Thái Nam, xã Phúc Thành		x	
124	Vũ Đức Vi	1949	CĐHH	thôn Dưỡng Thái Nam, xã Phúc Thành		x	
125	Trần Công Tạo	1952	HHC	thôn Dưỡng Thái Nam, xã Phúc Thành	x		
126	Trần Đức Diễn	1955	BB61%	thôn Dưỡng Thái Bắc, xã Phúc Thành	x		
	Xã Kim Liên						
127	Bùi Văn Ngân	14/8/1954	Bệnh binh	Thôn Cổ phục Bắc	x		
128	Hứa Văn Vọng	26/8/1949	Bệnh binh	Thôn Lương Xá Nam	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
129	Đỗ Văn Uyên	01/01/1925	Thương binh	Thôn Cổ phục Nam	x		
130	Đỗ Ngọc Oanh	27/07/1950	Thương binh	Thôn Cổ phục Nam		x	
131	Nguyễn Văn Lương	01/01/1954	Thương binh	Thôn Cổ phục Nam	x		
132	Nguyễn Văn Thiều	03/3/1945	Tù đầy	Thôn Cổ phục Nam	x		
133	Cao Thị Biết	01/01/1926	TNLS (vợ)	Thôn Lương Xá Bắc	x		
134	Vũ Văn Thuân	20/10/1954	CĐHH	Thôn Lương Xá Bắc		x	
135	Nguyễn Văn Phương	03/12/1957	Bệnh binh	Thôn Cổ phục Nam	x		
136	Nguyễn Văn Sơn	02/10/1957	Thương binh	Thôn Cổ phục Nam	x		
137	Nguyễn Văn Hinh	10/4/1943	Thương binh	Thôn Cổ pHục Bắc		x	
138	Đỗ Thị Yên	01/01/1948	TNLS (Vợ LS)	Thôn Cổ phục Nam	x		
139	Nguyễn Thị Đắc	01/01/1930	TNLS (Vợ LS)	Thôn Cổ phục Nam		x	
140	Nguyễn Xuân Liên	1932	HHC	Thôn Cổ phục Nam	x		
141	Nguyễn Thị Hoat	01/01/1929	TNLS	Thôn Cổ pHục Bắc	x		
142	Nguyễn Thị Gắng (Ngô Thị Gắng)	02/3/1946	Thương binh	Thôn Vân Dương	x		
143	Nguyễn Thị Lạm	01/01/1937	TNLS	Thôn Phương Tân	x		
144	Nguyễn Văn Láng	12/10/1932	HHC	Thôn Công Khê	x		
145	Nguyễn Thị Thiệp	17714	HHC	Thôn Công Khê		x	
146	Đinh Quang Thắng	10/3/1953	HHC	Thôn Công Khê	x		
147	Nguyễn Văn Kiều	11/11/1925	HHC	Thôn Phương Tân	x		
148	Vũ Anh Tuấn	1931	HHC	Thôn Phương Tân	x		
149	Nguyễn Thị Thoa	1936	TNLS	Thôn Vân Dương	x		
150	Nguyễn Thị The	1932	HHC	Thôn Vân Dương	x		
151	Nguyễn Văn Tân	21/2/1955	CĐHH	Thôn Công Khê	x		
152	Vũ Đức Nhật	24/4/1952	CĐHH	Thôn Công Khê	x		
153	Nguyễn Văn Tim	1917	Tù đầy	Thôn Công Khê	x		
154	Đinh Văn Tùy	10/10/1940	HHC	Phương Tân	x		
155	Nguyễn Văn Chì	10/5/1949	HHC	Thôn Công Khê		x	
	Xã Kim Anh						
156	Nguyễn Văn Trung	1934	Thương binh	Thôn Văn Minh, xã Kim Anh	x		
	Xã Ngũ Phúc						
157	Trần Văn Miên	1952	CĐHH	Quảng Đạt	x		
158	Trần Thế Hường	1955	HHC	Quảng Đạt	x		
159	Trần Văn Bạch	1935	HHC	Ngũ Phúc	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
160	Nguyễn Văn Lùn	1937	HHC	Ngũ Phúc		x	
	Xã Kim Đinh						
161	Phạm Văn Cường	1956	HHC	Thôn Chuẩn Thùng, xã Kim Đinh	x		
162	Nguyễn Đức Khuyên	1927	Bệnh binh	Thôn Chuẩn Thùng, xã Kim Đinh	x		
163	Nguyễn Trọng Bình	1950	HHC	Thôn Phù Tãi 2, xã Kim Đinh	x		
164	Phạm Văn Thịnh	1956	HHC	Thôn Phù Tãi 1, xã Kim Đinh		x	
165	Đồng Văn Kiểm	1937	HHC	Thôn Phù Tãi 1, xã Kim Đinh	x		
166	Đồng Văn Quynh	1943	HHC	Thôn Phù Tãi 2, xã Kim Đinh		x	
167	Nguyễn Văn Yên	1934	HHC	Thôn Phù Tãi 2, xã Kim Đinh		x	
168	Phạm Văn Trường	1951	HHC	Thôn Phù Tãi 2, xã Kim Đinh	x		
169	Phạm Văn Hưng	1954	HHC	Thôn Phù Tãi 1, xã Kim Đinh	x		
170	Nguyễn Công	1934	HHC	Thôn Phù Tãi 1, xã Kim Đinh		x	
171	Đồng Duy Đạo	1950	HHC	Thôn Chuẩn Thùng, xã Kim Đinh	x		
172	Phạm Văn Khả	1928	Tù đầy	Thôn Chuẩn Thùng, xã Kim Đinh	x		
173	Ngô Mạnh Đôn	1936	HHC	Thôn Phù Tãi 2, xã Kim Đinh		x	
174	Ngô Văn Thiện	1942	HHC	Thôn Phù Tãi 2, xã Kim Đinh	x		
175	Phạm Xuân Hòa	1950	CĐHH	Thôn Phù Tãi 2, xã Kim Đinh		x	
176	Nguyễn Duy Mễ	1943	HHC	Thôn Phù Tãi 2, xã Kim Đinh		x	
177	Phạm Văn Thành	1941	HHC	Thôn Phù Tãi 1, xã Kim Đinh	x		
	Xã Kim Tân						
178	Lê Văn Nguyễn	1945	HHC	Thôn Hải Ninh xã Kim Tân	x		
179	Đoàn Hữu Trung	1950	TB 21%	Thôn Viên Chử xã Kim Tân	x		
180	Trần Quang Vịnh	1955	TB 23%	Thôn Hải Ninh xã Kim Tân		x	
181	Trần Quang Miên	1937	TB 21% ,HHC	Thôn Hải Ninh xã Kim Tân		x	
182	Nguyễn Văn Vững (Nguyễn Huy Vững)	1953	CĐHH	Thôn Viên Chử	x		
	Xã Bình Dân						
183	Nguyễn Văn Học	1954	Thân nhân liệt sĩ	Thôn Phú Nội xã Bình Dân	x		
184	Nguyễn Văn Ngoãn	1964	Thân nhân liệt sĩ	Thôn Phú Nội xã Bình Dân	x		
185	Tô Thị Đậu	1935	HHC	Thôn Tân Tạo xã Bình Dân	x		
186	Bùi Văn Cương	1947	CĐHH	Thôn Trung Tuyển xã Bình Dân		x	
187	Nguyễn Công Phước	1937	HHC	Thôn Phong Nội xã Bình Dân	x		
188	Nguyễn Hữu Tọa	1941	Thương binh	Thôn Phong Nội xã Bình Dân		x	
189	Nguyễn Thị Hoàn	1945	Thân nhân liệt sĩ	Thôn Phong Nội xã Bình Dân		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
190	Nguyễn Văn Tuyền	1940	HHC	Thôn Phát Minh xã Bình Dân	x		
191	Nguyễn Văn Vũ	1945	Bệnh binh	Thôn Trung Tuyền xã Bình Dân	x		
192	Nguyễn Thế Phích	1945	HHC	Thôn Tân Tạo xã Bình Dân	x		
193	Nguyễn Thị Thanh	1965	Thân nhân liệt sĩ	Thôn Phát Minh xã Bình Dân	x		
194	Nguyễn Thị Ngoan	1961	Thân nhân liệt sĩ	Thôn Phát Minh xã Bình Dân	x		
195	Lục Đức Hòa	1955	HHC	Thôn Phát Minh xã Bình Dân		x	
	Xã Liên Hoà						
196	Đồng Thị Diện (Nguyễn Thị Diện)	1940	TNLS	Lạc Thiện	x		
197	Nguyễn Tiến Giới	1965	TNLS	Lạc Thiện	x		
198	Phạm Xuân Phận	1945	HHC	Bắc Thắng	x		
199	Đồng Văn Tuế	1963	TNLS	Bắc Thắng	x		
200	Đồng Văn Kỳ	1945	Bệnh binh	Bắc Thắng	x		
201	Phí Quang Bưởi	1957	Bệnh binh	Bắc Thắng	x		
202	Đồng Thị Gái	1939	TNLS, HHC	Bắc Thắng	x		
203	Đồng Minh Chung	1952	Thương binh	Bắc Thắng		x	
204	Nguyễn Văn Đồi	1926	HHC	Hưng Hòa		x	
205	Phạm Văn Thao	1948	Thương binh	Thái Nguyên		x	
206	Lương Kim Tiến	1952	Thương binh	Thái Nguyên		x	
207	Đoàn Ngọc Hạnh	1954	Bệnh binh	Cao Ngõ		x	
208	Vũ Văn Khiêm	1956	Thương binh	Cao Ngõ	x		
209	Đồng Thị Dầu	1936	TNLS	Lạc Thiện		x	
210	Nguyễn Anh Tài	1949	TNLS	Bắc Thắng		x	
211	Đồng Quang Hòa	1955	Bệnh binh	Lạc Thiện		x	
212	Đồng Minh Trường (Đồng Minh Chững)	1939	HHC	Bắc Thắng		x	
213	Đồng Văn Mạnh	1960	TNLS	Thái Nguyên		x	
	Xã Đồng Cẩm						
214	Nguyễn Thị Liễu	1944	Thân nhân Liệt sĩ	thôn Phí Gia, xã Đồng Cẩm	x		
215	Nguyễn Đăng Liền	1948	HHC	thôn Đồng xá Nam, xã Đồng	x		
216	Bùi Tất Tụng	1955	Thương binh	thôn Quảng Bình, xã Đồng Cẩm		x	
217	Bùi Văn Tân	1943	HHC	thôn Quảng Bình, xã Đồng Cẩm		x	
218	Nguyễn Đình Thế	1953	Bệnh binh	thôn Minh Tiến, xã Đồng Cẩm		x	
219	Vũ Công Tâm	1954	CĐHH	thôn Phí Gia, xã Đồng Cẩm	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
220	Nguyễn Phong Nhã	1946	CĐHH	thôn Đại Đồng, xã Đồng Cẩm		x	
	Xã Đại Đức						
221	Nguyễn Văn Quýnh	1933	HHC	Kiến Lễ	x		
222	Vũ Văn Óng	1932	HHC	Văn Thọ	x		
223	Nguyễn Thị Tiến	1947	Vợ Liệt sỹ	Nguyễn Bạo	x		
224	Lưu Thị Huệ	1949	Vợ liệt sỹ	Đồng Tâm	x		
	Xã Tam Kỳ						
225	Nguyễn Huy Toàn	1953	TB 21%	Thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ	x		
226	Đào Minh Quế	7/1956	Bệnh binh 81%	Thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ		x	
227	Lê Ngọc Tám	7/1948	CĐHH	Thôn Nại Đông, xã Tam Kỳ		x	
228	Hoàng Văn Thân	1968	Con Liệt sỹ	Thôn Nghĩa Xuyên, xã Tam Kỳ	x		
229	Trương Văn Thường	1952	Huân huy chương	Thôn Nại Đông, xã Tam Kỳ	x		
230	Nguyễn Huy Toàn	1/1950	Bệnh binh 44%	Thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ		x	
V	Huyện Bình Giang				9	19	
1	Bùi Xuân Khái	1945	Bệnh binh 61% CĐHH 41%	Kinh Trang - Thái Dương		x	
2	Phạm Thị Lập	1949	VLS	Ngọc cục - Thúc kháng		x	
3	Đào Xuân Phúc	1939	Thương Binh	Ngọc tân - Thúc kháng		x	
4	Vũ Đức Sợi	1950	Thương Binh	Phú Khê - Thái Học		x	
5	Nhữ Xuân Mịch	1957	Thương binh	An Đông - Thái Hòa		x	
6	Lê Huy Kính	1947	CĐHH	An Đông - Thái Hòa		x	
7	Nguyễn Văn Cống	1954	CĐHH 61%	Cây - Long Xuyên		x	
8	Vũ Đình Phùng	1946	Thương Binh 41%	Lý Đỏ - Tân Việt	x		
9	Nhữ Văn Vang	1950	Bệnh binh	Nhữ Thị - Thái Hòa	x		
10	Nhữ Văn Thông	1948	Thương binh	Nhữ Thị - Thái Hòa	x		
11	Nguyễn Văn Mùi	1955	CĐHH	Trâm Khê - Thái Hòa	x		
12	Nguyễn Xuân Hiến	1952	TB tỷ lệ 25%	Bì Đỏ- Cỏ Bì	x		
13	Vũ Phú Quốc	1951	CĐHH 61%	Bình An - Tân Việt		x	
14	Chu Đăng Đình	1954	CĐHH 61%	Bình An - Tân Việt		x	
15	Phạm Huy Hậu	1925	Tuất 2 LS	Bình An - Tân Việt		x	
16	Vũ Công Lan	1930	Thương Binh 22%	Bình An - Tân Việt		x	
17	Phạm Đình Khó	1930	CĐHH 81%	Cam Xá- Cỏ Bì		x	
18	Nguyễn Viết Song	1942	CĐHH	Trâm Khê - Thái Hòa		x	
19	Phạm Đăng Ngọ	1941	CĐHH	Ngọc tân - Thúc kháng		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
20	Đinh Thị Thơ	1938	Tuất LS	Lý Đông - Vĩnh Hồng		x	
21	Phạm Văn Điều	1945	BB 61% + CĐHH 41%	Bình An - Tân Việt		x	
22	Đặng Thị Khuyên	1938	Tuất LS	Bằng Giã - Tân Việt		x	
23	Phạm Trọng Tấn	1953	BB 61%	Bình An - Tân Việt		x	
24	Trần Công Văn	1953	Thương Binh 26% + CĐHH 41%	Lý Đỏ - Tân Việt		x	
25	Nguyễn Văn Cát	1952	CĐHH	Thôn Vạc - Thái Học	x		
26	Vũ Đức Thông	1957	TB tỷ lệ 21%	Ô xuyên- Cổ Bi	x		
27	Vũ Xuân Trắc	1942	Người HDKC	My Cầu - Tân Hồng	x		
28	Vũ Thanh Hải	1952	CĐHH	Lôi Khê - Hồng Khê	x		
VI	Huyện Gia Lộc				79	105	
1	Nguyễn Khắc Mạnh	1933	Thương binh	Gia Khánh	x		
2	Nguyễn Quyết Thắng	1945	HHC	Gia Khánh		x	
3	Nguyễn Văn Hồng	1950	HHC(Huân C KC hạng hai)	Gia Khánh	x		
4	Nguyễn Văn Dỹ	1933	HHC(Huân C KC hạng ba)	Gia Khánh		x	
5	Nguyễn Ngọc Kết	1938	HHC(Huân C KC hạng nhì)	Gia Khánh		x	
6	Đặng Xuân Thành	1942	HHC(Huân C KC hạng nhất)	Gia Khánh		x	
7	Nguyễn Khắc Quy	1947	Con LS Nguyễn Khắc Ngợi	Gia Khánh		x	
8	Nguyễn Ngọc Ham	1935	HHC(Huân C KC hạng nhất)	Gia Khánh		x	
9	Nguyễn Văn Găng	1954	HHC(Huân C KC hạng nhì)	Gia Khánh		x	
10	Nguyễn Văn Quý	1931	HHC(Huân C KC hạng nhì)	Gia Khánh		x	
11	Nguyễn Quang Đoàn	20/08/1938	Bệnh binh	Lê Lợi		x	
12	Nguyễn Văn Du	15/04/1950	HHC	Lê Lợi		x	
13	Vũ Đức Ngạn	10/10/1953	HHC	Lê Lợi	x		
14	Phạm Văn Tuân	10/5/1941	HHC	Lê Lợi		x	
15	Đặng Vũ Thụy	1/1/1946	Thương binh	Lê Lợi		x	
16	Phạm Thị Khoái	1930	Mẹ LS Vũ Văn Quyện	TT Gia Lộc	x		
17	Nguyễn Bá Lược	1939	Huân chương KC hạng ba	TT Gia Lộc	x		
18	Mai Tân Lập	1954	CĐHH 41%	TT Gia Lộc		x	
19	Nguyễn Bá Hòa	1951	Thương binh 22%	TT Gia Lộc		x	
20	Nguyễn Văn Lê	1937	Huy chương KC hạng nhì	TT Gia Lộc		x	
21	Vũ Thị Vây	1933	Huy chương KC hạng nhì	TT Gia Lộc	x		
22	Nguyễn Thị Lưu	1948	Huân chương KC hạng Ba	TT Gia Lộc	x		
23	Nguyễn Thị Mùi	1951	Huy chương KC hạng nhất	TT Gia Lộc	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
24	Bùi Quang Định	1957	BB 2/3 (68%)	TT Gia Lộc	x		
25	Nguyễn Đức Điều	1957	TB $\frac{3}{4}$ (41%)	TT Gia Lộc	x		
26	Nguyễn Văn Quyền	1953	TB $\frac{3}{4}$ (36%)	TT Gia Lộc	x		
27	Nguyễn Thị Tề	1941	Vợ LS Nguyễn Hữu Bê	TT Gia Lộc	x		
28	Đỗ Đình Côn	1954	Thương binh 21%	TT Gia Lộc		x	
29	Đỗ Văn Báu	1942	Thương binh 41%	TT Gia Lộc	x		
30	Nguyễn Văn Thiện	1942	CĐHH 61%	TT Gia Lộc	x		
31	Bùi Trọng Thiệu	1949	CĐHH	TT Gia Lộc		x	
32	Nguyễn Văn Khải	1952	BB 61%	Hoàng Diệu		x	
33	Đặng Xuân Lôi	1944	Bệnh binh 61%	Hoàng Diệu		x	
34	Phạm Khắc Phái	1947	Huy chương KC	Hoàng Diệu		x	
35	Nguyễn Thê Lê	1955	Thương binh 25%	Hoàng Diệu		x	
36	Lê Văn Nam	1946	Thương binh 81%	Hoàng Diệu		x	
37	Nguyễn Xuân Nghi	1953	Bệnh binh 61%	Hoàng Diệu	x		
38	Nguyễn Thị Lam	1920	Mẹ Liệt sĩ	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
39	Đoàn Văn Minh	06/3/1934	Bệnh binh	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
40	Đoàn Văn Bái	2/5/1951	Thương binh	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
41	Phạm Văn Xuyên	9591	Huy chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
42	Phạm Văn Giáp	1954	Thương binh 81%	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
43	Hoàng Văn Thiệu	10/10/1956	Bệnh binh 3	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
44	Lê Thị Thuê	12/8/1933	Vợ LS	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
45	Phạm Thanh Bình	11/11/1950	Huy chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
46	Nguyễn Văn Đước	24/12/1935	Huân chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
47	Vũ Văn Xá (Minh Xá)	6/6/1944	Thương binh 3/4	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
48	Đoàn Văn Thơ	10/1/1941	Chất độc HH	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
49	Phạm Thị Luyện	1944	Huân chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
50	Phạm Văn Đồ	30/7/1950	Huy chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
51	Phạm Văn Siu	1936	Huân chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
52	Phạm Văn Với	20/3/1952	Thương binh, CĐHH	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
53	Phạm Văn Bến	1/12/1944	Da cam	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
54	Tăng Đức Thụy	10320	Huy chương Chiến thắng	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
55	Tăng Thị Chắt	05/10/1931	Thương binh	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
56	Phạm Xuân Vui	1954	Thương binh	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
57	Vũ Thị Yên	16263	Vợ LS	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
58	Nguyễn Văn Tích	1944	Bệnh binh 61%	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
59	Vũ Thị Lan	15707	Huy chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
60	Vũ Xuân Là	1/1/1957	Thương binh 4/4	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
61	Đỗ Văn Vị	30/05/1939	Huân chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
62	Nguyễn Minh Thu	11/12/1942	Huân chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
63	Vũ Thị Bé	12/4/1950	Huân chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
64	Trần Quang Tần	10/5/1953	TB 61%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
65	Trần Văn Quỹ	5/7/1945	Chất độc Hoá học	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
66	Vũ Thị Hồng	1/1/1939	Vợ LS	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
67	Vũ Đình Quang	20/07/1936	BB 61%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
68	Phạm Hữu Hợi	20/10/1947	BB 61%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
69	Phạm Công Long	20/6/1948	Chất độc Hoá học	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
70	Vũ Tuấn Nghiệp	25/10/1949	TB 51%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
71	Trần Huy Vẹn	1/1/1951	Chất độc Hoá học	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
72	Trần Quang Tùy	20843	Huy chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
73	Phạm Hữu Gạc	1947	TB 21%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
74	Phạm Thanh Đạm	1945	Chất độc hoá học	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
75	Lê Văn Nhẫn	18/4/1952	Chất độc hoá học	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
76	Trần Quang Khái	2/6/1951	TB31%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
77	Trần Văn Thọ	27/5/1955	BB 63%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
78	Trần Trọng Thư	1/1/1947	Huy chươngK/C	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
79	Trần Quang Thụy	3/2/1948	TB 41%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
80	Vũ Văn Thập	1/1/1945	BB 41%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
81	Phạm Hữu Gác	1947	TB 21%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
82	Trần Quang Bình	25/3/1953	Huy chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
83	Vũ Văn Thiếp	1936	Huy chương K/C	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
84	Lê Văn Túy	16/5/1951	Chất độc Hoá học	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
85	Phạm Văn Dưỡng	1956	TB 23%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
86	Phạm Đình Yên	1/1/1956	TB 32%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
87	Vũ văn Linh	1/1/1937	Huy chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
88	Lê Văn Biều	1924	Tù đầy	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
89	Nguyễn Văn Tiên	5/6/1946	Bệnh binh 41%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
90	Vũ Thị Quyên	07/02/1969	Con liệt sỹ	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
91	Vũ Văn Xuất	08/08/1950	Huy chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
92	Lê Minh Tạc	25/12/1950	TB 22%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
93	Vũ Thị Tâm	8/8/1928	Vợ LS	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
94	Vũ Văn Tạ	05/02/1952	TB 22%, CDHH	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
95	Phạm Thị Quạt	1939	Huy chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
96	Lê Thị Tẹo	22/5/1946	Huy chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
97	Tướng Hay	1928	Huy chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
98	Lê Văn Phận	1937	Tù đầy	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
99	Phạm Thị Tâm	21/8/1934	Huân chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
100	Trần Văn Tuyên	05/9/1950	Huân chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
101	Phạm Xuân khá	10/10/1951	BB 61%	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
102	Vũ Thị Mỡ	1/3/1962	Con Liệt sỹ	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
103	Nguyễn Thị Thơ	1940	Huân chương KC	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)	x		
104	Vũ Đức Đàm	01/01/1957	Thương binh 37%	Xã Yết Kiêu	x		
105	Phạm Đình Thò	25/5/1945	Thương binh 23%	Xã Yết Kiêu	x		
106	Nguyễn Thị Dắng	5/8/1947	Vợ LS	Xã Yết Kiêu		x	
107	Vũ Bá Tuất	1921	Bố LS	Xã Yết Kiêu	x		
108	Bùi Công Ty	1940	Thương binh	Xã Yết Kiêu	x		
109	Trần Thị Xây	1938	Vợ Liệt sĩ	Xã Yết Kiêu	x		
110	Tăng Đức Uông	1931	Huân huy chương KC	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)		x	
111	Phạm Thị Sen	1933	Huy chương KC hạng Nhì	Yết Kiêu (Gia Hòa cũ)	x		
112	Phạm Thị Lãi	1935	Huy chương KChạng Nhì	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
113	Vũ Văn Sản	1926	Huân chương KC hạng nhất	Yết Kiêu (Trùng khánh cũ)		x	
114	Nguyễn Thị Đãi	1929	Vợ Liệt sĩ	Xã Yết Kiêu		x	
115	Phạm Thị Ba	1937	Vợ liệt sỹ	Thống Nhất	x		
116	Nguyễn Văn Ủy	1949	Huy chương	Thống Nhất	x		
117	Phạm Thị Nường	1948	Huy chương	Thống Nhất	x		
118	Trần Văn Tấn	1934	Huy chương	Thống Nhất	x		
119	Đoàn Văn Chiệt	1941	Huân chương	Thống Nhất	x		
120	Vũ Văn Cấn	1936	Bệnh binh	Thống Nhất	x		
121	Đỗ Văn Nhi	1925	Bố Liệt sĩ	Nhật Tân		x	
122	Vũ Văn Bích	1926	HĐKC H1	Nhật Tân	x		
123	Nguyễn Văn Trạch	1932	HĐKC H1	Nhật Tân		x	
124	Nguyễn Quang Phục	1935	Thương binh	Nhật Tân		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
125	Nguyễn Văn Tâu	1930	Người HDKC	Đồng Quang		x	
126	Nguyễn Quý Viên	1952	Người HDKC	Đồng Quang		x	
127	Nguyễn Văn Phục	1955	TB 21%	Đồng Quang		x	
128	Vũ Hoài Nam	1956	Bệnh binh 61%	Đồng Quang	x		
129	Vũ Đức Hoạt	1930	Bệnh binh 81%	Đồng Quang		x	
130	Phan Thị Nhĩ	1928	Huy chương KC hạng 2	Đồng Quang	x		
131	Nguyễn Văn Hóa	1939	Thương binh 22%	Đồng Quang		x	
132	Phạm Đình Sáng	1934	Huân chương KC hạng 2	Đồng Quang		x	
133	Phùng Thị Bảo	1939	Vợ liệt sĩ	Đồng Quang		x	
134	Nguyễn Văn Nghiêm	1950	Huy chương KC hạng 2	Đồng Quang		x	
135	Vũ Quý Toàn	1928	Huân chương KC hạng 2	Đồng Quang		x	
136	Vũ Văn Phô	1938	Thương binh 61%	Đồng Quang	x		
137	Nguyễn Văn Lượng	1957	CĐHH	Đồng Quang		x	
138	Trịnh Văn A	1948	Thương binh 31%	Đồng Quang	x		
139	Phạm Văn Quyền	1932	Thương binh 31%	Đồng Quang		x	
140	Phạm Văn Dũng	1931	Huân chương KC hạng 3	Đồng Quang		x	
141	Lê Thanh Mười	1960	Thương binh 21%	Đồng Quang	x		
142	Đào Văn Lan	1935	Huân chương KC hạng 1	Đồng Quang	x		
143	Nguyễn Văn Lơ	1950	Huy chương KC hạng 2	Đồng Quang	x		
144	Nguyễn Quý Khanh	1947	Huân chương KC hạng 3	Đồng Quang		x	
145	Đoàn Văn Từ	1937	Bố liệt sĩ	Đồng Quang	x		
146	Lê Xuân Quý	1949	Người HDKC	Đồng Quang		x	
147	Đỗ Xuân Đảm	1954	TB 41%	Đồng Quang	x		
148	Nguyễn Văn Huân	1944	Người HDKC	Đồng Quang		x	
149	Nguyễn Văn Hội	1944	TB 31%	Đồng Quang		x	
150	Trương Đình Tuyền	1955	TB 21%	Đồng Quang	x		
151	Nguyễn Thị Diệu	1936	Mẹ liệt sĩ	Đồng Quang		x	
152	Nguyễn Văn Tỉnh	1946	Huân chương KC hạng ba	Đồng Quang		x	
153	Nguyễn Văn Phụ	1937	Người HDKC	Đồng Quang	x		
154	Nguyễn Quang Hiến	1950	Thương binh 3/4	Đoàn Thượng		x	
155	Nguyễn Đình Cát	1939	HC KC hạng nhất	Đoàn Thượng	x		
156	Vũ Nguyên Trọng	1944	Thương binh 4/4, CDHH	Đoàn Thượng		x	
157	Vũ Đình Quốc	1930	HCKC hạng ba	Đoàn Thượng		x	
158	Nguyễn Thị Từ	1931	Thân nhân LS	Đoàn Thượng		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
159	Nguyễn Thúc Khoái	1936	HCKC hạng nhì	Đoàn Thượng		x	
160	Nguyễn Thái Học	1942	Thương binh 4/4	Đoàn Thượng	x		
161	Trần Huy Phúc	1951	thương binh 3/4	Đoàn Thượng		x	
162	Nguyễn Trung Kiên	1954	Thương binh 4/4	Đoàn Thượng		x	
163	Vũ Văn Trăm	1947	HCKC hạng nhất	Đoàn Thượng		x	
164	Nguyễn Thanh Nhật	1942	Thương binh 4/4	Đoàn Thượng		x	
165	Vũ Văn Sáng	1954	HCKC hạng nhất	Đoàn Thượng		x	
166	Nguyễn Văn Sử	1944	HCKC hạng nhất	Đoàn Thượng		x	
167	Nguyễn Thị Bún	1928	Thân nhân LS	Đoàn Thượng	x		
168	Nguyễn Thị Cồn	1919	Thân nhân LS	Đoàn Thượng		x	
169	Lê Thạc Chữ	1947	Bệnh binh 61%	Đoàn Thượng		x	
170	Vũ Văn Xiêm	1944	HCKC hạng nhì	Đoàn Thượng		x	
171	Vũ Văn Động	1949	HCKC hạng II	Đoàn Thượng		x	
172	Bùi Trọng Quý	8/1/1950	HHC	Thống Kênh	x		
173	Vương Trọng Huệ	2/15/1936	HHC	Thống Kênh		x	
174	Nguyễn Văn Lân	10/2/1952	TB31%	Gia Tân	x		
175	Nguyễn Quang Vinh	12/12/1957	BB61%	Gia Tân	x		
176	Bùi Thị Xuân	1/1/1937	Vợ LS	Gia Tân		x	
177	Dương Văn Thọ	1964	TB21%	Gia Lương	x		
178	Nguyễn Văn Tiến	1943	Con LS	Gia Lương	x		
179	Nguyễn Thị Nguyên	1947	Vợ liệt sỹ	Đức Xương	x		
180	Vũ Văn Bản	1956	Bệnh binh 71-80%	Đức Xương	x		
181	Nguyễn Huy Hùng	1945	Thương binh	Đức Xương		x	
182	Nguyễn Thị Tiệp	1928	Mẹ liệt sỹ	Phạm Trấn	x		
183	Phạm Văn Toàn	1949	TB25%	Toàn Thắng		x	
184	Vũ Văn Non	1/1/1952	TB22%	Quang Minh	x		
VII	Huyện Thanh Miện				4	3	
1	Nguyễn Thị Trật	1918	TNLS	Đoàn Kết		x	
2	Trần Đức Nghi	1946	TB, CĐHH	Thanh Tùng		x	
3	Nguyễn Hữu Phận	1929	HĐKC	Thị trấn TM	x		
4	Vũ Văn Tuấn	1957	TB	Thị trấn TM	x		
5	Nguyễn Thanh Mạnh	1950	CĐHH	Phạm Kha		x	
6	Nguyễn Thị Núi	1939	TNLS	Cao Thắng	x		
7	Ngô Đình Việt	1946	TB	Chi Lăng Nam	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
VIII	Huyện Nam Sách				11	13	
1	Hoàng Minh Độ	1942	Thương Binh	Thôn Đình, Thái Tân		x	
2	Hoàng Diên Biên	1962	Bệnh Binh	Thôn Đình, Thái Tân	x		
3	Hoàng Bá Miên	1958	Thương Binh	Thôn Đình, Thái Tân	x		
4	Trần Danh Thính	1950	CĐHH	Thôn Giữa, Thái Tân	x		
5	Đinh Ngọc Tạo	1957	Bệnh Binh	Thôn Giữa, Thái Tân	x		
6	Nguyễn Duy Vạn	1941	Bệnh Binh	Thôn Giữa, Thái Tân	x		
7	Nguyễn Huy Cận	1944	Bệnh Binh	Thôn Thượng, Thái Tân	x		
8	Trần Danh Vọng	1946	Thương Binh	Thôn Thượng, Thái Tân	x		
9	Trần Trọng Tiền	1944	CĐHH	Thôn Thượng, Thái Tân		x	
10	Nguyễn Văn Hữu	1954	Thương Binh	Mạc Bình, Thái Tân		x	
11	Hoàng Đăng Định	1941	Thương Binh	Mạc Bình, Thái Tân		x	
12	Đỗ Văn Đua	1950	CĐHH	Mạc Bình, Thái Tân		x	
13	Nguyễn Văn Chiên	1931	TNLS	Mạc Bình, Thái Tân	x		
14	Nguyễn Văn Huân	1953	CĐHH	Chu Đậu, Thái Tân		x	
15	Nguyễn Văn Phiến	1952	Thương Binh	Chu Đậu, Thái Tân		x	
16	Nguyễn Văn Thiệu	1955	Bệnh Binh	Chu Đậu, Thái Tân		x	
17	Trần Mạnh Thắng	1952	CĐHH	Chu Đậu, Thái Tân		x	
18	Vũ Huy Vang	1938	Thương Binh	Tân Thắng, Thái Tân		x	
19	Phạm Văn Duyên	1936	CĐHH	Tân Thắng, Thái Tân		x	
20	Vương Văn Kỳ	1950	Bệnh Binh	Tân Thắng, Thái Tân		x	
21	Nguyễn Đức Nghé	1925	TNLS	An Điền Giáp - Cộng Hòa	x		
22	Nguyễn Đức Bôi	1952	TB	An Điền Giáp - Cộng Hòa	x		
23	Ứng Thị Dẫn	1940	Vợ liệt sĩ	Lâm Xá - Phú Điền	x		
24	Nhữ (Ngữ) Văn Nhân	1952	Thương binh	Đoàn Kết - Hồng Phong		x	
IX	Huyện Cẩm Giàng				89	41	
1	Nguyễn Văn Hiến	1950	CĐHH 61%	Lương Điền	x		
2	Nguyễn Văn Lâm	1963	TB 21%	Cẩm Đông	x		
3	Đào Văn Thọ	1955	BB 61%	Cẩm Đông	x		
4	Trần Văn Hẹ	1960	TB 21%	Cẩm Hoàng	x		
5	Bùi Ngọc Bích	1959	TB 37%	Cẩm Hoàng	x		
6	Trần Văn Mên	1954	TB 61%	Định Sơn	x		
7	Phùng Văn Cao	1950	BB 61%	Định Sơn	x		
8	Phạm Nguyên Hùng	1954	TB 29%	Định Sơn	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
9	Trần Thị Dầu	1941	Vợ LS	Định Sơn	x		
10	Trần Xuân Diễm	1952	TB 81%	Định Sơn		x	
11	Phùng Văn Hưởng (Trần Thị Lăng - là vợ)	1938	TB 61%	Định Sơn		x	
12	Trần Minh Khai (Trần Văn Khai)	1949	TB 31%	Định Sơn	x		
13	Phạm An Chì	1956	CĐHH	Định Sơn	x		
14	Phạm Thị Ca	1938	Tuất LS	Định Sơn		x	
15	Phạm Tiến Thịnh	1957	TB 21%+ BB 61%	Định Sơn	x		
16	Phạm Tiến Long	1955	BB 61%	Định Sơn	x		
17	Nguyễn Văn Động	1950	TB 61%	Định Sơn	x		
18	Vũ Tiến Anh	1942	TB 62%	Định Sơn	x		
19	Nguyễn Văn Tân	1951	TB 23%	Định Sơn	x		
20	Lê Tiến Dũng	1952	BB 61%	Định Sơn	x		
21	Phạm Văn Kỷ (Vợ: Hoàng Thị Thanh)	1940	HĐKC	Định Sơn		x	
22	Nguyễn Văn Báu	1947	HĐKC	Định Sơn		x	
23	Nguyễn Văn Chiu	1951	HĐKC	Định Sơn	x		
24	Phạm Văn Tuất	1945	CĐHH 61%	Định Sơn	x		
25	Nguyễn Tiến Tầm (Nguyễn Văn Tầm) (Con trai: Nguyễn Tiến Huân)	1972	HĐKC	Định Sơn	x		
26	Phạm Văn Vụ	1953	BB 61%	Định Sơn	x		
27	Bùi Năng Giang	1948	HĐKC	Định Sơn	x		
28	Bùi Đình Biểu	1943	HĐKC	Định Sơn	x		
29	Nguyễn Văn Vần	1929	HĐKC	Định Sơn	x		
30	Trần Ngọc Mẫn	1950	TB 51%	Định Sơn	x		
31	Nguyễn Đức Thập (Vợ: Bùi Thị Bần)	1943	Tù đày	Định Sơn		x	
32	Phạm Thị Đức	1935	Vợ LS	Định Sơn	x		
33	Nguyễn Duy Hiền	1947	HĐKC	Định Sơn	x		
34	Nguyễn Duy Chung	1945	CĐHH 61%	Định Sơn	x		
35	Vũ Tiến Dật	1955	BB 61%	Định Sơn		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
36	Nguyễn Quốc Huy	1949	HĐKC	Phú Quân, Định Sơn	x		
37	Vũ Tiên Thủy	1947	HĐKC	Phú Quân, Định Sơn		x	
38	Vũ Tiên Tường	1950	HĐKC	Phú Quân, Định Sơn		x	
39	Nguyễn Văn Ca	1946	BB 61%	Ngọc Liên	x		
40	Nguyễn Văn Quảng	1933	Tù đầy	Ngọc Liên	x		
41	Cao Thị Kim (Con trai: Nguyễn Hải Châu)	1942	HĐKC	Ngọc Liên	x		
42	Nguyễn Đình Bổng	1942	BB61%	Ngọc Liên	x		
43	Trần Đình Hưng	1945	HĐKC	Ngọc Liên	x		
44	Nguyễn Quốc Cự	1949	HĐKC	Ngọc Liên	x		
45	Nguyễn Thị Đào	1934	HĐKC	Ngọc Liên		x	
46	Nguyễn Văn Thủy	1956	TB 23%	Ngọc Liên		x	
47	Đỗ Văn Cẩm (Vợ: Nguyễn Thị Thìn)	1929	HĐKC	Ngọc Liên		x	
48	Phạm Hồng Tín	1951	HĐKC	Ngọc Liên		x	
49	Nguyễn Văn Thuật	1954	CĐHH 41%	Ngọc Liên	x		
50	Lê Xuân Thực	1955	TB 61%	Ngọc Liên	x		
51	Trần Thị Lơ (Con trai: Nguyễn Ngọc Nghĩa)	1922	Tuất Liệt sĩ	Ngọc Liên	x		
52	Nguyễn Văn Sơn	1956	CĐHH 61%	TT Cẩm Giang	x		
53	Lê Văn Chín	1948	BB 61%	TT Cẩm Giang	x		
54	Nguyễn Thị Vân	1958	TBB 25%	TT Cẩm Giang	x		
55	Doãn Thị Nghi	1949	HĐKC	TT Cẩm Giang	x		
56	Vũ Xuân Bình	1953	TB 42%	TT Cẩm Giang	x		
57	Nguyễn Văn Hường	1937	HĐKC	TT Cẩm Giang	x		
58	Vũ Thị Lịch	1938	Vợ LS	TT Cẩm Giang	x		
59	Bùi Văn Sắc	1956	TB 25%	TT Cẩm Giang		x	
60	Cao Quang Chiên (Tiền) (Vợ: Ngô Thị Nhẫn)	1940	TB 41%	TT Cẩm Giang	x		
61	Vũ Đình Lân	1956	TB 21%	TT Cẩm Giang		x	
62	Cao Quang Hạc	1939	BB 61%	TT Cẩm Giang	x		
63	Cao Quang Tiệp	1939	BB 41%	TT Cẩm Giang	x		
64	Hoàng Thị Xạ	1939	Vợ LS	Tân Trường		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
65	Nguyễn Huy Thịnh (Vợ: Mai Thị Tịch)	1948	CĐHH 61%	Tân Trường		x	
66	Nguyễn Thị Ly	1958	Tuất LS	Tân Trường	x		
67	Nguyễn Thị Luân (Luận)	1937	Vợ LS	Tân Trường	x		
68	Nguyễn Khắc Sạn	1938	CĐHH 61%	Đức Chính		x	
69	Nguyễn Thái Sơn	1945	CĐHH 61%	Đức Chính		x	
70	Nguyễn Văn Ngạn	1938	CĐHH 61%	Đức Chính		x	
71	Trần Văn Chiêu	1940	CĐHH 61%	Đức Chính	x		
72	Hồ Văn Vuông	1952	TB 21%	Đức Chính		x	
73	Trần Văn Uý (Vợ: Cao Thị Chúc)	1929	HĐKC	Đức Chính		x	
74	Nguyễn Văn Dương	1955	CĐHH 61%	Đức Chính		x	
75	Nguyễn Xuân Khích (Nguyễn Văn Khích)	1948	BB 48%	Đức Chính		x	
76	Nguyễn Thị Nhì	1951	HĐKC	Cẩm Hưng	x		
77	Phùng Xuân Trọng	1960	TB 61%	Cẩm Hưng		x	
78	Nguyễn Thị Út (Con đẻ: Hoàng Văn Khánh)	1929	VLS	Cẩm Hưng	x		
79	Vũ Văn Giáp	1942	HĐKC	Cẩm Hưng	x		
80	Nguyễn Văn Nụ	1942	TB 61%	Cẩm Hưng	x		
81	Nguyễn Xuân Ngọ	1953	TB 81%	Cẩm Hưng	x		
82	Vũ Quang Tuấn (Vợ: Lê Thị Miêu)	1938	BB 61%	Cẩm Hưng	x		
83	Nguyễn Hồng Độ (Vợ: Hoàng Thị Phứơt)	1948	TB 21%	Cẩm Hưng		x	
84	Nguyễn Văn Huệ	1954	HĐKC	Cẩm Hưng	x		
85	Nguyễn Văn Huyền	1954	HĐKC	Cẩm Hưng		x	
86	Nguyễn Ngọc Mỹ (Vợ: Vũ Thị Quý)	1948	BB 61%	Cẩm Hưng	x		
87	Đinh Phú Ân (Vợ: Nguyễn Thị Tăng)	1940	TB 21%	Cẩm Hưng	x		
88	Nguyễn Văn Đạo	1945	HĐKC	Cẩm Hưng	x		
89	Nguyễn Văn Hà	1958	TB 61%	Cẩm Hưng	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
90	Trần Văn Ba	1929	HĐKC	Cẩm Hưng	x		
91	Nguyễn Thị Vũ	1930	Vợ LS	Cẩm Hưng		x	
92	Phùng Thị Bạt	1937	HĐKC	Cẩm Hưng	x		
93	Vũ Đăng Khoa	1937	TB 21%	Cẩm Hưng	x		
94	Nguyễn Trọng Kham (Vợ: Nguyễn Thị Thêu)	1951	HĐKC	Cẩm Hưng	x		
95	Nguyễn Văn Điền	1950	HĐKC	Cẩm Hưng		x	
96	Nguyễn Văn Dỡ	1943	HĐKC	Cẩm Hưng	x		
97	Vũ Quang Phác	1949	TB 41%	Cẩm Hưng	x		
98	Trần Đình Nhiều	1950	TB 31%	Lương Điền	x		
99	Lê Bá Tờ	1953	BB 62%	Cẩm Văn		x	
100	Nguyễn Tiến Oa (Con đẻ: Nguyễn Tiến Quê)	1927	TB 21%	Cẩm Văn		x	
101	Nguyễn Văn La	1954	BB 62%	Cẩm Văn		x	
102	Đoàn Xuân Vũ	1939	HĐKC	Cẩm Văn		x	
103	Phạm Đức Kháng	1947	TB 21%	Cẩm Văn		x	
104	Trần Văn Sinh	1933	TB21%	Cẩm Văn		x	
105	Nguyễn Văn Nhiều	1935	HĐKC	Cẩm Văn		x	
106	Vũ Đình Phẩm	1933	CĐHH 61%	Cẩm Văn		x	
107	Nguyễn Văn Tân	1953	HĐKC	Hoành Lộc, Cẩm Văn	x		
108	Trần Đức Tính	1937	BB 53%	Văn Thai, Cẩm Văn	x		
109	Lê Đình Cúc	1946	BB 61%	Cẩm Hoàng	x		
110	Nguyễn Văn Dũng	1943	TB 54%	Cẩm Hoàng	x		
111	Lê Thị Giá	1978	Con LS: Lê Văn Bộ	Cẩm Hoàng		x	
112	Lê Ngọc Đương	1959	TB 81%	Cẩm Hoàng	x		
113	Lê Thị Thủy	1939	Vợ liệt sỹ	Cẩm Hoàng	x		
114	Nguyễn Ngọc Quyền (Vợ: Nguyễn Thị Ảnh)	1960	TB 21%	Cẩm Hoàng	x		
115	Nguyễn Văn Hiệu	1976	TB 21%	Cẩm Hoàng	x		
116	Lê Thị Cẩm (Con gái: Lê Thị	1954	Mẹ LS	Cẩm Hoàng		x	
117	Nguyễn Hữu Hiệu	1957	TB 25%	Cẩm Hoàng		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
118	Nguyễn Thị Mễ (Con gái: Nguyễn Thị Giắc)	1961	Mẹ liệt sỹ	Cẩm Hoàng	x		
119	Triệu Đình Kiên	1949	TB 41%	Cẩm Hoàng	x		
120	Đặng Hùng Cường	1941	CĐHH 61%	Cẩm Hoàng	x		
121	Hà Thế Cẩm	1945	BB 41%	Cẩm Hoàng	x		
122	Nguyễn Danh Tiến	1953	CĐHH 41%	Cẩm Hoàng	x		
123	Nguyễn Thị Đan	1950	Vợ liệt sỹ	Cẩm Hoàng	x		
124	Lê Đình Phụ	1932	BB 71%	Cẩm Hoàng		x	
125	Nguyễn Danh Từ	1959	TB 28%	Cẩm Hoàng	x		
126	Nguyễn Thị Sồi	1956	Vợ liệt sỹ	Cẩm Hoàng	x		
127	Nguyễn Văn Học	1949	TB 21%	Cẩm Hoàng	x		
128	Phạm Trọng Tầm	1940	BB 41%	Cẩm Hoàng	x		
129	Phạm Văn Lăng	1948	TB 21%	Cao An	x		
130	Vũ Văn Diễn	1960	TB 23%	Cao An	x		
X	Huyện Tứ Kỳ				23	32	
1	Phạm Văn Kiên	1950	CĐHH41%	Tiên Động		x	
2	Đào Quang Phiệt	1936	HĐKC	Tiên Động		x	
3	Phạm Thị Thiện	1940	Mẹ LS Nguyễn Văn Truyền	Tiên Động		x	
4	Lâm Quang Vực	1945	HĐKC	Tiên Động		x	
5	Phùng Minh Chi	1938	BB 3/3 tỷ lệ 41%	Tiên Động		x	
6	Nguyễn Đình Thiệp	1948	HĐKC	Bình Lãng		x	
7	Nguyễn Tá Ý	1940	TB,CĐHH	Bình Lãng	x		
8	Nguyễn Đình Ấm	1954	TB.BB	Bình Lãng		x	
9	Nguyễn Văn Phang	1948	Thương binh	Bình Lãng	x		
10	Nguyễn Thị Sy	1927	Mẹ LS Nguyễn Hải Trĩnh	Bình Lãng	x		
11	Nguyễn Ngọc Tung	1938	TB,BB	Bình Lãng		x	
12	Nguyễn Danh Vọng	1948	Thương binh	Bình Lãng	x		
13	Nguyễn Bá Mẫn (Nguyễn Tá Mầu)	1945	Thương binh	Bình Lãng	x		
14	Phạm Văn Từ	1941	Bệnh binh	Bình Lãng	x		
15	Trần Xuân Miêu	1957	Thương binh	Bình Lãng		x	
16	Khương Viết Phảng	1948	Thương binh	Bình Lãng		x	
17	Khương Viết Tôn	1944	TB.TĐ	Bình Lãng		x	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
18	Khương Viết Lập	1953	Thương binh	Bình Lang		x	
19	Nguyễn Văn Gộc	1952	CDHH	Bình Lang	x		
20	Nguy (in Hanh Huấn	1940	HĐKC	Bình Lãng		x	
21	Khương Viết Hiền	1954	HĐKC	Bình Lãng		x	
22	Nguyễn Thị Đến	1939	Vợ LS Nguyễn Đức Việt	Bình Lãng	x		
23	Nguyễn Thành Viên	1948	Thương binh	Bình Lãng		x	
24	Nguyễn Đình Tước	1948	BB, CDHH	Bình Lãng		x	
25	Khương Viết Thu	1953	BB, CDHH	Bình Lãng	x		
26	Nguyễn Ngọc Thảy	1955	Thương binh	Bình Lãng		x	
27	Khương Viết Thích	1937	Thương binh	Bình Lãng	x		
28	Khương Viết Chí	1950	Bệnh binh	Bình Lãng		x	
29	Hoàng Văn Trọng	1954	TB, CDHH	Bình Lãng	x		
30	Vũ Trọng Khái	1935	HĐKC	Hà Thanh		x	
31	Nguyễn Đình Trách	1931	HĐKC	Hà Thanh	x		
32	Phạm Xuân Thản	1945	TB	Hà Thanh	x		
33	Phạm Sùng	1940	HĐKC	Hà Thanh		x	
34	Nguyễn Duy Cộng	1947	TB 35%	Ngọc Kỳ	x		
35	Nguyễn Thanh Tâm	1953	TB+CDHH	Hung Đạo		x	
36	Nguyễn Thị Bám	1934	Vợ LS Phạm Văn Tái	Hung Đạo		x	
37	Phạm Văn Chuẩn	1949	TB+CDHH	Hung Đạo		x	
38	Phạm Văn Tảo	1949	Thương binh	Hung Đạo		x	
39	Nguyễn Văn Hải	1942	Thương binh	Hung Đạo		x	
40	Nguyễn Ngọc Quân	1950	TB+CDHH	Hung Đạo	x		
41	Nguyễn Thị Nhi	1940	Người HĐKC	Hung Đạo	x		
42	Nguyễn Thị Nguyên	1933	VợLS Ngô Văn Thịnh	Hung Đạo	x		
43	Nguyễn Văn Đan	1942	CDHH	Hung Đạo		x	
44	Nguyễn Văn Khàng	1950	TB+CDHH	Hung Đạo		x	
45	Nguyễn Tiến Song	1936	CDHH	Hung Đạo		x	
46	Nguyễn Hữu Hiến	1927	HĐKC	Chí Minh		x	
47	Phạm Công Chắt	1939	BB2/3	Quang Trung		x	
48	Đông Văn Thanh	1955	HĐKC	Quang Trung		x	
49	Phùng Thị Sét	1929	Mẹ LS Phạm Mạnh Ngừng	Quang Trung	x		
50	Nguyễn Văn Thê	1946	TB3/4	Quang Trung		x	
51	Nguyễn Văn Hiền	1950	TB2/4	Quang Trung	x		

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
52	Phùng Văn Kiên	1948	TB4/4	Quang Trung	x		
53	Nguyễn Thị Yên	1925	Mẹ LS Nguyễn Văn An	Quang Trung	x		
54	Nguyễn Văn Chuyên	1931	HĐKC	Quang Trung	x		
55	Đinh Thị Sự	1944	Vợ LS Nguyễn Văn Mạnh	Quang Trung	x		
XI	Huyện Ninh Giang				7	7	
1	Phạm Văn Bất	1948	TB31%	Hoàng Hanh	x		
2	Nguyễn khắc Huệ	1938	Tuất LS	Văn Hội		x	
3	Nguyễn Mạnh Hồng	1929	TB	Hưng Long		x	
4	Nguyễn xuân Mập	1954	TNLS	Tân Hương		x	
5	Vũ Hoàng Lộc	1952	TB 22%	Tân Quang		x	
6	Phạm Thị Hảo	1938	TNLS	Hồng Phong		x	
7	Vũ Duy Thấp	1949	BB	Hồng Phong		x	
8	Nguyễn Thành Dục	1951	TB	Quyết Thắng	x		
9	Nguyễn Thanh nhàn	1955	BB . 61%	Hồng Đức	x		
10	Hồ Thị Rỳ	1941	TNLS	Hồng Phúc		x	
11	Nguyễn Thị Xiêng	1942	Thân nhân LS	Văn Hội	x		
12	Nguyễn Thế Túy	1953	TB	Văn Hội	x		
13	Trần Thanh Mừng	1946	TB	Văn Hội	x		
14	Đào Xuân Kỹ	1949	TB 22%	Tân Quang	x		
XII	Thành phố Chí Linh				4	8	
1	Trần Thị Bến	1949	Vợ LS	Hoàng Tân		x	
2	Đoàn Ngọc Hồ	1941	TB	Hoàng Tân		x	
3	Nguyễn Công Chánh	1950	TB	Hoàng Tân	x		
4	Nguyễn Thị Thỉnh	1938	Vợ LS	Hoàng Tân	x		
5	Trịnh Đình Mạch	1936	BB	Hoàng Tân		x	
6	Hoàng Văn Chiên	1939	CĐHH	Hoàng Tân		x	
7	Lương Văn Phụng	1940	BB	Hoàng Tân		x	
8	Đỗ Gia Mừng	1952	TB43%	Hoàng Hoa Thám		x	
9	Đào Quốc Hùng	1957	BB 61%	Bến Tắm	x		
10	Hoàng Công Khải	1949	CĐHH 61%	Phả Lại	x		
11	Phạm Ngọc Chiêm	1946	TNLS Phạm Hòa Thuật	Phả Lại		x	
12	Vũ Thị Chát	1939	TNLS Nguyễn Văn Quân	Phả Lại		x	
968	Tổng				510	458	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng NCC	Địa chỉ thường trú tại thời điểm thực hiện xây mới, sửa	Hình thức xây mới		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	

